

Số: 1109 /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 06 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát Thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế

lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BNN-TT ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 124/TTr-SNN ngày 16/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính mới ban hành các lĩnh vực: Quản lý xây dựng công trình, Lâm nghiệp, Quản lý doanh nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 15 thủ tục hành chính thay thế, sửa đổi, bổ sung các lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trồng trọt; bãi bỏ 36 TTHC lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Đã được công bố tại các quyết định của UBND tỉnh:

- Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định số 918/QĐ-BNN-TT ngày 19/3/2019 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, địa chỉ: <http://www.baria-vungtau.gov.vn>

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Bộ phận TN&TKQ tập trung cấp tỉnh;
- Các cơ quan trực thuộc Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT. P.NC- KSTTHC (5).

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tịnh



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1109 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình							
1	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và PTNT: 20 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Chưa có văn bản quy định	Điều 12, Điều 37 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Phụ lục 1 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu; Điều 4, Điều 5 Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác đấu thầu các dự án do Bộ quản lý.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC



11. Lĩnh vực Lâm nghiệp

01	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 50 ngày làm việc.</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và PTNT: 35 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 15 ngày làm việc.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 14 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
02	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 50 ngày làm việc.</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 23 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ



		PTNT: 35 ngày làm việc. + Ủy ban nhân dân tỉnh: 15 ngày làm việc.					Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
03	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 45 ngày làm việc + Sở Nông nghiệp và PTNT: 15 ngày làm việc. + Thủ tướng Chính phủ: 30 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
04	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết:	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh



	tỉnh	<p>45 ngày làm việc.</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;</p> <p>+ Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.</p>	tỉnh					vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
--	------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------	--	--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



05	Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc.</p> <p>+ Trước ngày 31 ngày 12 hàng năm, tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án đến Ban điều hành Quỹ;</p> <p>+ Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
----	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	----------------------------------------	-------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



III. Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp

01	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Thẩm định Đề án: Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ;</p> <p>- Thẩm định Phương án: không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;</p> <p>- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	<p>- Điều 23 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp</p> <p>- Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ.</p>	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
----	-----------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	----------------------------------------	-------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



- Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

01	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 18 ngày làm việc.</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và PTNT: 15 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
02	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận có thời hạn	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ



		từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 18 ngày làm việc. + Sở Nông nghiệp và PTNT: 15 ngày làm việc. + Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.	tập trung cấp tỉnh	điện		đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------	------	--	----------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

S T T	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC cũ	Tên TTHC mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật									
01	BNN-VTB-287823	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung	Trực tiếp, bưu điện, trực tuyến (http://dichvucong.baria)	Theo quy định tại Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 (Mục I, Biểu phí	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi	- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành



				<p>giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p>	cấp tỉnh	- <u>zung</u> <u>au.go</u> <u>v.vn/d</u> <u>ang-</u> <u>ky-</u> <u>truc-</u> <u>tuyen/</u> <u>51</u>)	trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).	<p>động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.</p> <p>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>	chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC.
2	BNN-VTB-287824	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Trực tiếp, bưu điện, trực tuyến	Theo quy định tại Thông tư số 231/2016/TT-BTC	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.</p> <p>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01</p>	- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ



	thuốc bảo vệ thực vật	thuốc bảo vệ thực vật	<p>hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm</p>	kết quả tập trung cấp tỉnh	<p>(http://dichvucongbaria.vn/vn/dang-ky-truc-tuyen/51)</p>	ngày 11/11/2016 (Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).	<p>tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giồng cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.</p> <p>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>	trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC.
--	-----------------------	-----------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



			thủy sản. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.					
--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

II. Lĩnh vực Lâm nghiệp

1	BNN-VTB-287677	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 45 ngày làm việc. + Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Không	Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông
---	----------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	----------------------------------------	-------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

+ Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng;

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có quyết định chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết

nghị và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC



			định chuyển loại rừng.						
2	VTB-291271	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng năm trong phạm vi một tỉnh)	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh;</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; qua đường bưu điện hoặc qua môi trường mạng.	Không	Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC



				<p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra tổ chức xác minh tại hiện trường và lập biên bản xác minh;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra hoàn thành báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định miễn, giảm và trả kết quả cho bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.</p>					
3	BNN-VTB-287690	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Trực tiếp; qua đường bưu	Không	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày



		bền vững của tổ chức	của chủ rừng là tổ chức	<p>hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 23 ngày làm việc.</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và PTNT: 20 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.</p>	<p>kết quả tập trung cấp tỉnh</p>	<p>điện; dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến</p>		vững.	<p>10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC</p>
4	BNN-VTB-287853	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trọt; lâm phần tuyển chọn;	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh</p>	<p>Trực tiếp; qua đường bưu điện; dịch vụ bưu chính công</p>	<p>Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống; công nhận vườn giống là</p>	<p>- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ</p>	<p>Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành;</p>



		rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây dầu dòn)		- Thời gian giải quyết: 18 ngày làm việc		ích hoặc trực tuyển	2.400.000 đồng/01 vườn giống; công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đồng/01 lô giống (theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/T T-BTC ngày 07/02/201 8 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.	thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
5	VTB- 291250	Cấp giấy phép khai thác động	Phê duyet phương	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và	Bộ phận	Trực tiếp;	Không	Điều 11 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ	Những nội dung còn lại của TTHC thực



		<p>vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương quản lý</p>	<p>án khai thác động vật rừng thông thường</p>	<p>trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc</p>	<p>Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh</p>	<p>qua đường bưu điện; dịch vụ bưu chính công ích</p>		<p>trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản</p>	<p>hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC</p>
	<p>VTB-291251</p>	<p>Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng do địa phương</p>							



6	VTB-291510	quản lý	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; qua đường bưu điện; dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
---	------------	---------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------	-------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



một tỉnh,
thành phố
trực thuộc
Trung
ương;
động vật
rừng
được gây
nuôi
trong
nước; bộ
phận, dẫn
xuất của
chúng

III. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

01	BNN- VTB- 288021	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; Fax, E- Mail	-Thăm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông,	+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thăm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; + Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN- QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và
----	------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



			thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.	07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
02	VTB-291185	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; Fax, E-Mail	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông,	+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; + Thông tư số	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và



		thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.	44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
03	BNN-VTB-288023	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; Fax, E-Mail	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm	+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất



		nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận	doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	lẽ. - Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			nông, lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/ cơ sở.	+ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
04	BNN-VTB-288020	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Trực tiếp; qua đường bưu	30.000 đồng/lần/người.	+ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương,	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019



			phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch này có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	kết quả tập trung cấp tỉnh	điện		Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. + Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------	------	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

IV. Lĩnh vực Trồng trọt

01	VTB-291293	Công nhận cây đầu dòng	Công nhận cây đầu dòng	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và	Bộ phận	Trực tiếp;	Hội đồng nhân dân	- Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số	Những nội dung còn lại của TTHC thực
----	------------	------------------------	------------------------	---------------------------------------	---------	------------	-------------------	-------------------------------------------------	--------------------------------------



		cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	qua đường bưu điện	cấp tỉnh quyết định	18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm; - Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	hiện theo Quyết định số 918/QĐ-BNN-TT ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
02	VTB-291294	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp; qua đường bưu điện	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định	- Luật phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm; - Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 918/QĐ-BNN-TT ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm



			- Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------

V. Lĩnh vực Thủy sản

1	BNN-VTB-288406	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ. - Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm tra.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.	Theo từng hạng mục tại thông tư số 230/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.	- Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC.
---	----------------	---------------------------------------------	---------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	----------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp				
01	BNN-VTB-287678	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
02	BNN-VTB-287679	Phê duyệt và cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
03	BNN-VTB-287981	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
04	BNN-VTB-287982	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



	BNN-VTB-05-287983	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
06	VTB-291246	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được Lâm nghiệp ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của các tổ chức	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
07	BNN-VTB-287985	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
08	VTB-291278	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
09	VTB-291265	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được



			trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
10	VTB-291266	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
11	VTB-291252	Thẩm định, Phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
12	VTB-291253	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
13	VTB-291254	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



14	VTB-291255	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
15	VTB-291256	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
16	VTB-291257	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
17	VTB-291258	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi



			Lâm nghiệp	chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
18	VTB-291259	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
19	VTB-291260	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
20	VTB-291261	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
21	VTB-291262	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
22	BNN-VTB-	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ,	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng



	287672	bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
23	BNN-VTB-287895	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
24	VTB-291281	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước - Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
25	VTB-291273	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



		nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)		
26	VTB-291274	Giao rừng đối với tổ chức	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
27	BNN-VTB-287712	Cho thuê rừng đối với tổ chức	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
28	VTB-291279	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ và cây sau xử lý tịch thu	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
29	BNN-VTB-287854	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
30	VTB-291270	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức	Thông tư số 28/2018 ngày 16/12/2018 quy định các biện	Đã được công bố tại Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng



		khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	pháp lâm sinh	Tàu về việc công bố Bộ thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
31	BNN-VTB-288319	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ	Đã được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
32	BNN-VTB-288320	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ	Đã được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
33	BNN-VTB-288280	Khoán công việc và dịch vụ	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ	Đã được công bố tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



34	VTB-291508	Đóng dấu búa kiểm lâm	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
35	VTB-291509	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Đã được công bố tại Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
36	VTB-291511	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Đã được công bố tại Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.